

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2023/DS - PT
Ngày 18 -10 - 2023
“V/v Tranh chấp quyền sử
dụng đất”

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phụng

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông
Bà Lê Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Thanh
Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 13 và 18 tháng 10 năm 2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân
dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
90/2023/TLPT – DS ngày 10 tháng 7 năm 2023, về việc “Tranh chấp quyền sử
dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2023/DS-ST, ngày 17 tháng 5 năm 2023 của
Toà án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 122/2023/QĐXXPT- DS
ngày 31 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2023/QĐ-PT ngày 29
tháng 8 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2023/QĐPT-DS ngày 13
tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn Y, sinh năm 1953; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (theo Văn bản ủy quyền ngày 11
tháng 9 năm 2023):*

1. Đỗ Minh N, sinh năm 1998; (Vắng mặt)

2. Nguyễn Văn Quốc S, sinh năm 1993; (Vắng mặt)

3. *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (theo Văn bản ủy quyền ngày 10*

tháng 10 năm 2023): Bà Đoàn Minh T, sinh năm 1998. (Có mặt)

Cùng địa chỉ liên lạc: Số C, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông Mai Văn H, sinh năm 1948. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Mai Văn H: Bà Đồng Thị Cẩm N1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Võ Thị B. (Có mặt)

2. Bà Dương Kim H1. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3. Bà Phan Thị S1. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

4. Ông Phan Văn K. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

5. Ông Phan Thị T1. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường H, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

6. Ông Phan Văn X. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

7. Bà Phan Thị D. (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị S1, ông Phan Văn K, bà Phan Thị T1, ông Phan Văn X, bà Phan Thị D là ông Phan Văn Y (theo Giấy uỷ quyền được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực số 129 ngày 26/4/2022).

8. Bà Nguyễn Thị T2. (Vắng mặt)

9. Bà Mai Thị H2. (Vắng mặt)

10. Ông Mai Văn T3. (Vắng mặt)

11. Ông Mai Thanh Đ. (Vắng mặt)

12. Ông Mai Vũ K1. (Vắng mặt)

13. Ông Mai Văn H3. (Vắng mặt)

14. Ông Mai Thanh S2. (Có mặt)

15. Ông Mai Thanh H4. (Vắng mặt)

16. Bà Đào Thị Huỳnh C. (Vắng mặt)

Các đương sự có cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.
Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phan Văn Y kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn Y trình bày:

Cha của nguyên đơn là ông Phan Văn N2 và mẹ là bà Võ Thị H5 có phần đất nằm toạ lạc tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Trong đó có thửa đất số 185 nằm từ Quản lộ P đến Kênh E có chiều ngang bằng 16m, chiều dài khoảng 350m. Lúc cha của nguyên đơn còn sống thì có để lại cho nguyên đơn phần đất này và nguyên đơn đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/3/2002. Phần đất này một bên giáp với hộ ông Ba S3, bên còn lại giáp với đất của bị đơn ông Mai Văn H.

Đến năm 2012, ông H đã thuê robe vào mức đất lấn qua đất của nguyên đơn có chiều ngang 1,2m dài từ Kênh 500 đến Quản lộ P, nguyên đơn có ngăn cản nhưng ông H vẫn mức và sử dụng phần đất của nguyên đơn. Nay nguyên đơn thuê robe mức phần con mương này thì ông H ngăn lại và cho rằng con mương này là của ông H.

Do vậy, nguyên đơn yêu cầu Toà án buộc bị đơn ông Mai Văn H phải trả lại phần đất lấn chiếm có chiều ngang 1,2m, dài từ Kênh 500 đến Quản lộ P khoảng 350 m, tổng diện tích lấn chiếm khoảng 420 m². Hiện phần đất này nằm tại thửa 185 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do nguyên đơn đứng tên.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/4/2021 ông Phan Văn Y thừa nhận phần đất của ông ngang 16m là do ông N2 (cha của ông Phan Văn Y) chỉ ranh và sử dụng cho đến nay chứ không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng không có thể hiện số đo chiều ngang của thửa đất.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Mai Văn H có ý kiến trình bày như sau:

Tại Bản tự khai ngày 04/02/2013 ông H trình bày: Phần đất này ông được ông bà để lại, có diện tích ngang 16m, dài 500m bị đơn đã sử dụng ổn định từ trước đến nay. Bị đơn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/3/2002. Phần đất nằm tại thửa 283 có diện tích 6.734m². Phần tranh chấp là con mương ngang 1,2m, dài khoảng 350m. Nay ông Y khởi kiện thì bị đơn không đồng ý vì phần đất này là của bị đơn.

Tại biên bản hoà giải ngày 06/10/2017 ông H có trình bày: Phần đất tranh chấp giáp với phần đất của ông Phan Văn Y, khi cha vợ ông H còn sống có đào một cái mương nhỏ ngang 01m, có sự chứng kiến và thống nhất của ông Phan Văn N2 là cha của ông Phan Văn Y. Gia đình bị đơn đào mương có để lại 02 tác bên giáp ranh với đất của ông Phan Văn Y. Đến năm 2012 hai bên xảy ra tranh chấp, sau đó được chính quyền địa phương hoà giải thì hai bên thống nhất để bị đơn mượn robe lên liếp phần đất của bị đơn, bị đơn chỉ sử dụng đủ bề ngang 16 m. Bị đơn đào mương vẫn để 02 tác đất cũ, đến khoảng 02 năm sau đó thì ông Y mượn robe đào mương, bị đơn không đồng ý vì đất của bị đơn còn lại 02 tác nhưng nguyên đơn định đào luôn phần đất của bị đơn. Nay nguyên đơn cho rằng bị đơn lấn ranh là không đúng, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/4/2021 bị đơn thừa nhận từ xưa đến nay phần mương tranh chấp do phía ông H sử dụng, ông Phan Văn Y tẩn mế nên ông Y nói là của ông Y. Còn giấy tờ tài liệu dùng để chứng minh thì bị đơn không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị B, bà Phan Thị S1, ông Phan Văn K, ông Phan Văn T4, ông Phan Văn X, bà Phan Thị D, bà Dương Kim H1: cùng có ý kiến thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2, bà Mai Thị H2, ông Mai Văn T3, ông Mai Thanh Đ, ông Mai Vũ K1, ông Mai Văn H3, ông Mai Thanh S2, ông Mai Thanh H4, bà Đào Thị Huỳnh C: Cùng có ý kiến thống nhất với lời trình bày của bị đơn.

Tại Bản án sơ thẩm số 26/2023/DS-ST, ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, tuyên xử như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn Y về việc yêu cầu bị đơn ông Mai Văn H phải trả lại phần đất lấn chiếm có chiều ngang 1,2m, dài từ Kênh 500 đến Quảng lộ P khoảng 350m, tổng diện tích lấn chiếm khoảng 420m² (diện tích đo đạc thực tế là 223,2m²).

Hộ ông Mai Văn H được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất theo lược đồ giải thửa ngày 08/8/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P có diện tích 223,2m², có hình thể là tam giác, kích thước các cạnh là 1,3m, 326,85m, và 326,77m. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang (theo lược đồ giải thửa kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 31/5/2023, nguyên đơn ông nguyên đơn ông Phan Văn Y kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 26/2023/DS-ST, ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Y, buộc ông Mai Văn H phải trả lại phần đất lấn chiếm có tổng diện tích là 420m².

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của nguyên đơn thống nhất phần đất tranh chấp có diện tích 309,5m² theo mảnh trích đo địa chính số 18/HGR ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Công ty cổ phần T5. Đại diện của nguyên đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án xem xét chia đôi diện tích đất tranh chấp 309,5m² cho nguyên đơn và bị đơn.

Ý kiến của bị đơn: Yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Bởi lẽ, phần đất ông H cũng thiếu, phần nương do gia đình ông H quản lý từ trước đến nay, năm 2012 khi gia đình ông H mức đất thì phía ông Y không có sự phản đối. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa nhận định từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng ổn định của bị đơn ông Mai Văn H. Đối chiếu với diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế tại các thửa số 209, 750 của ông Mai Văn H thiếu so với diện tích hộ ông H được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất 185 của hộ ông Phan Văn Y có diện tích đo đạc thực tế nhiều so với diện tích được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất dư 478m². Nguyên đơn khởi kiện, kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Tuy nhiên, có sự thay đổi diện tích đất tranh chấp, đại diện

Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn đối với phần đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp thụ lý là đúng thẩm quyền và xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đúng theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31 tháng 5 năm 2023, nguyên đơn ông Phan Văn Y có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn và đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn yêu cầu chia đôi phần đất tranh chấp ngang 1,8m, dài từ thửa 209, 750, thửa 169 của ông Mai Văn H giáp với thửa đất của ông Phan Văn Y là thửa 185. Xét thấy, nguyên đơn đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo không vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu. Căn cứ vào quy định tại Điều 298 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp một phần con mương có chiều ngang theo đo đạc thực tế 1,8m.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần đất tranh chấp, Tòa án xét thấy hiện trạng phần đất tranh chấp là một con mương dẫn nước không có cây trồng và công trình trên mương. Hai bên con mương là phần bờ đất của nguyên đơn ông Phan Văn Y, của ông Mai Văn H đang canh tác sử dụng ổn định. Con mương có một đầu giáp với Kênh 500, một phần đầu giáp với Quản lộ P; cạnh dài giáp với đất của ông Mai Văn H có số đo 344,49m, cạnh dài giáp với đất của ông Mai Văn Y1 có số đo 344,64m. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/10/2023 phần đầu con mương giáp với Quản lộ P có số đo chiều ngang 4m, phần đầu con

mương giáp với Kênh 500 có số đo chiều ngang 4m. Nhưng các bên đương sự chỉ tranh chấp là một phần đất của con mương có chiều ngang 1,8m.

Về lịch sử và quá trình sử dụng con mương, do ông Mai Văn H đào mương để dẫn nước tưới tiêu và vận chuyển nông sản. Ông Mai Văn H trực tiếp quản lý sử dụng từ trước năm 1975, đến năm 2012 ông H đào mương mở rộng thêm từ 1m, rộng thêm 1,2m. Quá trình sử dụng con mương bị sạt lở hai bên đất của ông Phan Văn Y và ông Mai Văn H nên chiều ngang của con mương hiện tại là 4m. Thực tế ông Phan Văn Y không có sử dụng chung con mương với ông Mai Văn H. Ông Phan Văn Y sử dụng chung con mương với ông Phan Văn S4. Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp do nguyên đơn ông Phan Văn Y thuê máy vào nạo vét con mương, ông Mai Văn H ngăn cản.

Đối chiếu với lịch sử hình thành con mương, thực tế sử dụng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy ông Mai Văn H đã quản lý sử dụng ổn định với phần đất tại con mương. Các thửa đất tranh chấp gồm: Thửa 185, tờ bản đồ số 6, của hộ ông Phan Văn Y giáp với thửa số 209, thửa 750 và thửa 169, tờ bản đồ số 6 của hộ ông Mai Văn H.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 185 của ông Phan Văn Y có diện tích 6981m²; diện tích đo đạc thực tế từ Kênh E đến Quản lộ P có diện tích 5289m² (mảnh trích đo địa chính số 18/HGR ngày 11/10/2023 của Công ty cổ phần T5), đoạn từ Quản lộ P về hướng Lộ Nông thôn có diện tích 2170,8m² (mảnh trích đo địa chính ngày 28/7/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện P). Tổng diện tích đo đạc thực tế của thửa 185 là 7459,8m². Như vậy, so với diện tích đất hộ ông Phan Văn Y được cấp giấy diện tích đo đạc thực tế của thửa 185 dư 478,2m². Đối với thửa đất 209 và thửa đất 750 của hộ ông Mai Văn H diện tích đo đạc thực tế thiếu so với diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể thửa 209 diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2745m², diện tích đo đạc thực tế 2582,9m² (mảnh trích đo địa chính số 18/HGR ngày 11/10/2023 của Công ty cổ phần T5), thiếu 163,1m²; thửa 750 diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1004m², diện tích đo đạc thực tế 883,5m² (mảnh trích đo địa chính số 18/HGR ngày 11/10/2023 của Công ty cổ phần T5), thiếu 120,5m². Thửa 169 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 3502m²; đo đạc thực tế đoạn từ hướng Kênh 500 đến Quản lộ P chỉ có một phần diện tích 1675,8m²; đoạn còn lại của thửa 169 có diện tích là 2170,8m² (mảnh trích đo địa chính ngày 28/7/2021 của

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện P). Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất với nhau về số đo chiều ngang 16m phần đầu tiếp giáp với Quản lộ P, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Văn Y. Bởi lẽ, ông Y là người khởi kiện tranh chấp đất với bị đơn nhưng đất của ông dư, đất của bị đơn thiếu và nguyên đơn không chứng minh được bị đơn có hành vi lấn chiếm, sử dụng đất của ông. Mặt khác, phần đất tranh chấp là một phần của con mương ông H đã có thời gian công khai sử dụng ổn định, lâu dài từ năm 2012 cho đến nay.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở và căn cứ pháp luật để chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Hội đồng xét xử giữ nguyên quan điểm của Tòa án cấp sơ thẩm là không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, diện tích phần đất tranh chấp tăng (theo mảnh trích đo địa chính số 18/HGR ngày 11/10/2023 của Công ty cổ phần T5) nên Hội đồng xét xử sửa bản án theo hướng điều chỉnh diện tích đất tranh chấp.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm. Do nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng phúc thẩm gồm lệ phí trích lục khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu Tài nguyên và Môi trường; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ lược đồ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn Y2, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn Y về việc yêu cầu bị đơn ông Mai Văn H phải trả lại phần đất lấn chiếm có chiều ngang 1,2m, dài từ Kênh 500 đến Quản lộ P khoảng 350m, tổng diện tích lấn chiếm khoảng 420m².

2. Hộ ông Mai Văn H được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất theo mảnh trích đo địa chính số 18/HGR ngày 11/10/2023 của Công ty cổ phần T5, diện tích 309,5m² có hình thể là tam giác, kích thước các cạnh là 1,8m; 344,64 m và 344,49 m. Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang (kèm theo mảnh trích đo địa chính số 18/HGR ngày 11/10/2023 của Công ty cổ phần T5).

3. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn ông Phan Văn Y. Ông Phan Văn Y được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.110.000 đồng (một triệu một trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006306 ngày 13/01/2016 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn ông Phan Văn Y

4. Về chi phí tố tụng:

Chi phí tố tụng sơ thẩm: Nguyên đơn ông Phan Văn Y phải chịu 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng), nguyên đơn đã thực hiện xong.

Chi phí tố tụng phúc thẩm: Nguyên đơn ông Phan Văn Y phải chịu 11.897.000 đồng (mười một triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng) nguyên đơn đã thực hiện xong.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 18 tháng 10 năm 2023).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Phụng